

Số: /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường
Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 43/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số .../TTTr-SNNMT ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị- xã hội thành phố;
- Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND thành phố;
- Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đà Nẵng;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

QUY CHẾ

Quản lý và bảo vệ môi trường Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2026/QĐ-UBND ngày... tháng... năm
2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, cơ chế phối hợp và trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phát huy giá trị tài nguyên thiên nhiên, giá trị văn hóa, cảnh quan, hệ sinh thái và thúc đẩy phát triển bền vững trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An, thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Khu Dự trữ Sinh quyển).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các cụm từ sau đây được hiểu là:

1. *Di sản thiên nhiên*: thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trong Quy chế này bao gồm các khu vực tự nhiên có giá trị nổi bật về đa dạng sinh học, cảnh quan, hệ sinh thái đặc thù biển, đảo, rừng tự nhiên, đất ngập nước và các giá trị tự nhiên khác thuộc Khu Dự trữ Sinh quyển cần được bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

2. *Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới*: là danh hiệu do UNESCO công nhận đối với những vùng địa lý có sự nổi trội về đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên và nhân văn mang tính toàn cầu. Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới có cấu trúc gồm một hoặc nhiều vùng lõi, xung quanh vùng lõi là vùng đệm và phía ngoài là vùng chuyển tiếp. Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới có 03 chức năng chính:

- a) Bảo tồn giá trị tài nguyên thiên nhiên và nhân văn;
- b) Thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội;
- c) Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, giám sát, giáo dục nâng cao dân trí và trao đổi thông tin giữa các địa phương, các bên có liên quan trong nước và quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững.

3. *Hệ sinh thái*: là một hệ thống mở hoàn chỉnh bao gồm tập hợp các quần xã sinh vật và môi trường sống của chúng.

4. *Đa dạng sinh học*: là một thuật ngữ thể hiện tính đa dạng của các cá thể sống, loài và quần thể, tính biến động di truyền giữa chúng và tất cả sự tập hợp phức tạp của chúng thành quần xã và hệ sinh thái. Đa dạng sinh học được thể hiện ở 03 góc độ là gen - loài - hệ sinh thái.

5. *Bảo tồn đa dạng sinh học*: là hoạt động nhằm bảo vệ, duy trì môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của các loài hoang dã, cảnh quan môi trường, những nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi trồng, chăm sóc các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ, bảo quản lâu dài các mẫu thực vật, động vật, vi sinh vật, nắm mang các đơn vị chức năng di truyền còn khả năng tái sinh (mẫu vật di truyền), nhằm bảo vệ và duy trì sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên.

6. *Gen*: là một đơn vị di truyền, một đoạn của vật chất di truyền quy định các đặc tính cụ thể của sinh vật.

7. *Loài nguy cấp, quý, hiếm*: là những loài sống hoang dã hoặc được con người nuôi dưỡng, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan môi trường hoặc văn hóa, lịch sử mà số lượng cá thể còn rất ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng được các cơ quan, tổ chức hữu quan đánh giá và công bố.

8. *Giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển*: là các giá trị nổi trội riêng hay là nổi trội từ sự kết hợp giữa các hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân văn của địa phương nhưng mang tầm quốc tế.

9. *Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển*: là quá trình điều phối các hoạt động có liên quan trong Khu Dự trữ Sinh quyển theo cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương với sự tham gia của đại diện các bên có liên quan, thể hiện mối quan hệ giữa con người và sinh quyển nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị của Khu Dự trữ Sinh quyển, đồng thời thực hiện tốt các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

10. *Tiếp cận hệ sinh thái*: là phương thức tiếp cận tư duy hệ thống, xem xét các hệ sinh thái vận hành theo một thể thống nhất để quản lý một cách tổng thể, tổng hợp và sử dụng bền vững các loại tài nguyên nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Điều 4. Mục tiêu quản lý

1. Việc quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phục hồi và duy trì các hệ sinh thái tự nhiên; quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa và cảnh quan đặc trưng của Khu Dự trữ Sinh quyển gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao sinh kế cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững cùng các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Mục tiêu cụ thể của việc quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển là bảo đảm 07 tiêu chí của Khu Dự trữ Sinh quyển mà UNESCO đã công nhận gồm:

- a) Bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái;
- b) Bảo tồn tính đa dạng sinh học;
- c) Bảo đảm sự bền vững trong khai thác và trong các mô hình trình diễn;
- d) Bảo đảm diện tích đủ lớn để thực hiện được 03 chức năng của Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới là Bảo tồn – Hỗ trợ và Phát triển;
- đ) Bảo đảm sự phân vùng chức năng rõ ràng gồm vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp;
- e) Bảo đảm sự quản lý tổng hợp, quản lý thích ứng và chia sẻ lợi ích giữa các nhóm cộng đồng địa phương;
- g) Bảo đảm các hoạt động hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học, đào tạo, giám sát, quan trắc, giáo dục.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý

1. Áp dụng nguyên tắc “Tiếp cận hệ sinh thái”, gồm 12 nội dung cụ thể:
- a) Các mục tiêu quản lý tài nguyên đất, nước và tài nguyên sống là sự lựa chọn mang tính xã hội;
 - b) Quản lý hệ sinh thái phải được phân quyền đến cấp thích hợp thấp nhất;
 - c) Các nhà quản lý hệ sinh thái phải xem xét hiệu quả thực tế hoặc tiềm năng các hoạt động của mình đối với các hệ sinh thái lân cận và các hệ sinh thái khác;
 - d) Quản lý hệ sinh thái phải được vận hành thường xuyên trong một bối cảnh kinh tế cụ thể để thông qua đó nhận thức rõ những lợi ích có thể đạt được như: Giảm bớt những khiếm khuyết của thị trường có ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học; khuyến khích để thúc đẩy việc sử dụng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học và kế hoạch hóa một cách khả thi các chi phí và các lợi ích của hệ sinh thái đã xác lập;
 - đ) Việc bảo tồn cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái phải là mục tiêu ưu tiên của phương thức tiếp cận hệ sinh thái;

e) Các hệ sinh thái phải được quản lý trong các giới hạn về chức năng của chúng;

g) Việc tiếp cận hệ sinh thái phải được thực hiện theo các quy mô thích hợp về mặt không gian và thời gian;

h) Các mục tiêu quản lý hệ sinh thái phải có tầm nhìn dài hạn bởi các kết quả chỉ có thể diễn ra từ từ do đặc trưng của các quá trình sinh thái và do sự thay đổi quy mô không gian theo thời gian;

i) Việc quản lý hệ sinh thái phải công nhận sự thay đổi là điều không thể tránh khỏi;

k) Phương thức tiếp cận hệ sinh thái đòi hỏi giữa bảo tồn và sử dụng đa dạng sinh học phải tìm kiếm sự cân bằng thích hợp và hợp thành một hệ thống thống nhất;

l) Quản lý tiếp cận hệ sinh thái cần phải xem xét tất cả các nguồn thông tin có liên quan bao gồm các kiến thức khoa học, kiến thức của cư dân bản địa, yêu cầu đổi mới và thực tiễn địa phương;

m) Quản lý tiếp cận hệ sinh thái cần sự tham gia của tất cả các lực lượng, các lĩnh vực xã hội và các ngành khoa học tương ứng.

2. Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển phải có sự tham gia của 04 lực lượng gồm:

a) Lực lượng quản lý;

b) Lực lượng nghiên cứu khoa học;

c) Lực lượng doanh nghiệp;

d) Lực lượng quần chúng.

3. Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển phải bảo đảm sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người.

4. Thông qua quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển để tăng cường tính thực thi pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tại vùng lõi và vùng đệm của Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 6. Cơ chế và phương thức quản lý

1. Cơ chế quản lý

a) Nhà nước tạo điều kiện về tài chính, cơ chế chính sách và các nguồn lực khác để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

b) Khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường; ưu tiên các hoạt động bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; xây dựng và quảng bá Khu Dự trữ Sinh quyển; thu hút nhân tài, lực lượng tình nguyện viên làm việc cho Khu Dự trữ Sinh quyển và thành phố Đà Nẵng.

c) Công tác quy hoạch, đầu tư, xây dựng công trình, dự án, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch có liên quan đến Khu Dự trữ Sinh quyển phải được xem xét, đánh giá và thực hiện theo quy định của pháp luật về

quy hoạch, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản, di sản văn hóa, du lịch và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, hệ sinh thái, giá trị văn hóa – xã hội và mục tiêu phát triển bền vững của Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Phương thức quản lý

a) Khu Dự trữ Sinh quyển được quản lý theo phương thức quản lý tổng hợp, mở, linh hoạt, đa chiều, liên kết, phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực, đa đối tác trong và ngoài phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển, cùng với sự hợp tác quốc tế rộng rãi, tạo được sự đồng thuận đa số của cộng đồng dân cư địa phương, đặt dưới sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển là tổ chức phối hợp liên ngành, không trực tiếp quản lý về mặt lãnh thổ, không thực hiện chức năng quản lý nhà nước; có trách nhiệm tham mưu, đề xuất thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố để điều phối các hoạt động liên quan đến Khu Dự trữ Sinh quyển.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ RANH GIỚI VÀ PHÂN VÙNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN

Điều 7. Ranh giới

Phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển bao gồm phần đất tự nhiên, mặt nước, vùng biển thuộc địa giới hành chính các xã, phường: Tân Hiệp, Hội An Đông, Hội An và Hội An Tây; ranh giới cụ thể được xác định theo bản đồ phân vùng chức năng Khu Dự trữ Sinh quyển ban hành kèm theo Quy chế này. Tổng diện tích Khu Dự trữ Sinh quyển là 33.475 ha.

Điều 8. Phân vùng quản lý

Khu Dự trữ Sinh quyển được phân thành 03 vùng chức năng:

1. Vùng lõi: Diện tích 12.240 ha, bao gồm các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phục hồi sinh thái, dịch vụ - hành chính và toàn bộ đảo nổi thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm; là khu vực thực hiện chức năng bảo tồn chủ yếu về đa dạng sinh học và hệ sinh thái, đồng thời là nền tảng khoa học phục vụ chức năng hỗ trợ (nghiên cứu, giám sát, giáo dục môi trường).

2. Vùng đệm: Diện tích 19.670 ha, gồm vùng biển bao quanh vùng lõi và hệ thống sông, kênh rạch, đất ngập nước, bãi biển thuộc khu vực phường Hội An Đông, phường Hội An Tây và phường Hội An; tập trung các hệ sinh thái quan trọng như sông, rừng ngập mặn, bãi triều, cửa sông và các hệ sinh thái đặc thù khác; thực hiện chức năng hỗ trợ và kết nối sinh thái, kiểm soát môi trường,

giảm thiểu tác động từ bên ngoài, đồng thời góp phần hỗ trợ sinh kế bền vững cho cộng đồng.

3. Vùng chuyên tiếp: Là phần diện tích tự nhiên còn lại của các phường Hội An, Hội An Tây và Hội An Đông, với tổng diện tích 1.565 ha. Trọng tâm của vùng là khu vực khoanh vùng bảo vệ Đô thị cổ Hội An – Di sản văn hóa thế giới, cùng với hệ thống các làng nghề truyền thống đặc trưng. Tại đây, sông Thu Bồn giữ vai trò duy trì sự kết nối hữu cơ giữa hệ sinh thái tự nhiên Cù Lao Chàm với không gian văn hóa Hội An. Sự liên kết này không chỉ góp phần bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học mà còn tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn, hướng tới sự hòa quyện giữa con người với thiên nhiên, đồng thời lan tỏa các mô hình phát triển bền vững trong toàn khu vực.

4. Phạm vi, ranh giới và phân vùng của Khu Dự trữ Sinh quyển được thể hiện tại bản đồ phân vùng chức năng Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An kèm theo Quy chế này.

5. Việc phân vùng chức năng Khu Dự trữ Sinh quyển được xác định trên cơ sở kết hợp giữa tiêu chí của Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB/UNESCO) và quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học và Luật Di sản văn hóa.

6. Đối với khu vực Đô thị cổ Hội An – Di sản văn hóa thế giới, việc quản lý các khu vực bảo vệ I và II được thực hiện theo pháp luật về di sản văn hóa; đồng thời được lồng ghép, phối hợp trong cấu trúc phân vùng của Khu Dự trữ Sinh quyển nhằm bảo đảm tính thống nhất trong quản lý tổng hợp.

Mục 2

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN

Điều 9. Quản lý hoạt động tại vùng lõi

1. Các hoạt động diễn ra tại vùng lõi Khu Dự trữ Sinh quyển phải tuân thủ theo Quy chế quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm và các quy định tại địa phương. Quy định chi tiết đối với từng phân khu chức năng cụ thể như sau:

a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm

Hoạt động được phép thực hiện bao gồm: Thả phao đánh dấu ranh giới vùng biển; điều tra, nghiên cứu khoa học sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và chịu sự giám sát của Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm; tuyên truyền, giáo dục môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hoạt động vi phạm; thực hiện các hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, khảo cổ học; kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; lập hồ sơ quản lý rừng bền vững; phòng cháy, chữa cháy rừng, xử lý sự cố; cứu hộ loài nguy cấp, quý, hiếm; bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái; lập các tuyến đường tuần tra

bảo vệ rừng kết hợp tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng trụ đỡ cáp trên không, cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu đi bộ và biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phân khu phục hồi sinh thái của Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm

Hoạt động được phép thực hiện bao gồm: những hoạt động quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật, hệ sinh thái; hoạt động du lịch sinh thái nhưng không gây tổn hại đến các hệ sinh thái, môi trường, đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản; phương tiện khai thác thủy sản, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện giao thông đường bộ được đi qua nhưng không gây hại; cho thuê môi trường rừng, khai thác lâm sản ngoài gỗ và nghề khai thác lá rừng truyền thống theo phương án quản lý rừng bền vững có sự giám sát chặt chẽ của Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm.

c) Phân khu dịch vụ - hành chính của Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm

Hoạt động quy định tại điểm a, điểm b khoản này; nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản bền vững theo Quy chế quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm; nuôi, trồng và thu hoạch cây dược liệu dưới tán rừng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức hoạt động du lịch sinh thái theo Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm; xây dựng công trình hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh; công trình phục vụ du lịch sinh thái nuôi trồng thủy sản phù hợp quy hoạch; phương án quản lý rừng bền vững và Đề án du lịch sinh thái đã được phê duyệt; khai thác lâm sản ngoài gỗ theo phương án được cơ quan chức năng phê duyệt, khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình.

2. Quy định về bảo vệ môi trường vùng lõi

a) Các hệ sinh thái tự nhiên trong vùng lõi phải được ưu tiên bảo tồn và phục hồi nguyên trạng tự nhiên; môi trường đất, môi trường nước trong Vùng lõi bị ô nhiễm, suy thoái phải được cải tạo, phục hồi.

b) Các giá trị cốt lõi của thiên nhiên và đa dạng sinh học tại vùng lõi phải được bảo vệ, bảo tồn nguyên vẹn; dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên phải được duy trì, phát triển và sử dụng bền vững.

c) Tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa, kiểm soát các tác động tới môi trường, đa dạng sinh học theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của các điều ước quốc tế về môi trường và đa dạng sinh học mà Việt Nam đã ký kết.

d) Các hoạt động trên biển, trên bờ có phát sinh chất thải rắn thông thường phải được thu gom, vận chuyển để tập kết đúng nơi quy định. Tuyệt đối không được thải trực tiếp ra môi trường.

đ) Nghiêm cấm các hành vi đổ chất thải nguy hại, chất thải rắn, nước thải không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường ra ngoài môi trường.

e) Nghiêm cấm hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái khu bảo tồn: săn bắt, đánh bắt trái phép, khai thác động vật hoang dã, thực vật hoang dã trừ trường hợp nghiên cứu khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; ngăn cản đường di chuyển của các loài thủy sinh; nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái và suy giảm thành phần loài; xây dựng công trình trái phép.

3. Các nội dung quản lý, bắt buộc phải thực hiện tại vùng lõi

Ngoài các hoạt động được phép quy định tại khoản 1 Điều này, trong vùng lõi phải thực hiện các nội dung sau:

a) Điều tra, đánh giá hiện trạng tài nguyên tại vùng lõi bao gồm điều tra, đánh giá định kỳ 05 năm một lần và hoạt động điều tra, đánh giá khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc điều tra, đánh giá định kỳ bao gồm các nội dung sau đây: diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên cần bảo vệ, bảo tồn theo tiêu chí xác lập, công nhận Khu Dự trữ Sinh quyển; hoạt động phát triển kinh tế - xã hội có tác động xấu đến môi trường; hoạt động khai thác, sử dụng các giá trị tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái của Khu Dự trữ Sinh quyển.

b) Tổ chức nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, tái tạo, phục hồi và phát triển các loài động vật, thực vật, hệ sinh thái.

c) Cứu hộ các loài động vật hoang dã, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật; quan trắc, thu thập thông tin, số liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, chất lượng môi trường nước.

d) Giám sát hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án thực hiện trong vùng lõi.

đ) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của loài, bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh Vùng lõi.

e) Hỗ trợ triển khai hoạt động sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh vùng lõi.

g) Thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

h) Nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong vùng lõi được kiểm soát như đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định về phân vùng môi trường của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Quyền của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong vùng lõi

a) Được khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ sinh kế

truyền thống, phù hợp với chức năng Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm, bao gồm: Khai thác thủy sản quy mô nhỏ, ven bờ bằng ngư cụ thân thiện với môi trường theo quy định của pháp luật về thủy sản và quy định phân vùng bảo vệ của Khu bảo tồn Thiên nhiên; thu hái lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tự nhiên phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; canh tác nông nghiệp quy mô hộ gia đình theo hướng sinh thái, hạn chế hóa chất, phù hợp với định hướng sinh thái.

b) Được tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dịch vụ môi trường, bao gồm: Kinh doanh dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ẩm thực, hướng dẫn du lịch; tham gia các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với bảo tồn biển, rừng và văn hóa bản địa; ưu tiên tham gia các chương trình phát triển du lịch bền vững do cơ quan quản lý và chính quyền địa phương triển khai.

c) Được hưởng lợi từ các cơ chế chia sẻ lợi ích trong bảo tồn, bao gồm: Hỗ trợ sinh kế thay thế, chuyển đổi nghề từ khai thác sang dịch vụ, du lịch hoặc nghề thân thiện môi trường; tham gia các chương trình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản, bảo vệ rạn san hô, cỏ biển, rừng; hưởng lợi từ các dự án, chương trình bảo tồn, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm thiểu rác thải nhựa.

d) Được tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển; tham gia các tổ, nhóm cộng đồng bảo vệ tài nguyên và môi trường.

6. Nghĩa vụ của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong vùng lõi

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, thủy sản, lâm nghiệp và các quy định của Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm.

b) Không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm, bao gồm: Sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc hoặc ngư cụ hủy diệt để khai thác thủy sản; khai thác, bẻ gãy, mua bán san hô, sinh vật biển quý hiếm; khai thác tài nguyên trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, khu phục hồi sinh thái khi chưa được phép.

c) Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường: Hạn chế, tiến tới không sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần theo chủ trương “Cù Lao Chàm nói không với túi ni lông”; phân loại, thu gom, xử lý rác thải theo quy định; bảo vệ nguồn nước, cảnh quan và môi trường.

d) Tham gia các hoạt động bảo tồn: Tuần tra, giám sát cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; bảo vệ rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng tự nhiên; phòng, chống cháy rừng và các hành vi xâm hại tài nguyên.

đ) Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Quản lý hoạt động tại vùng đệm

1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong vùng đệm được kiểm soát như đối với vùng hạn chế phát thải theo quy định về phân vùng môi trường của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản trong vùng đệm có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; kiểm soát việc phát sinh, thu gom, xử lý chất thải từ tàu thuyền du lịch, phương tiện hoạt động trên sông, biển; thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

3. Đối với khu vực hệ sinh thái rừng đừa nước gắn với các bãi triều vùng hạ lưu sông Thu Bồn thuộc vùng đệm Khu Dự trữ Sinh quyển, việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nguồn lợi giống thủy sản, hệ sinh thái rừng đừa nước và các giá trị tài nguyên thiên nhiên có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy sản, lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và các quy định pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh hoặc cơ chế chấp thuận mới ngoài quy định của pháp luật hiện hành.

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan trong vùng đệm có trách nhiệm phối hợp tuyên truyền, vận động người dân khai thác, sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản; không thực hiện các hành vi khai thác thủy sản trái phép, khai thác bằng phương tiện, ngư cụ, phương pháp bị cấm hoặc có nguy cơ gây suy giảm nguồn lợi thủy sản, ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng đừa nước, bãi triều và môi trường sống của các loài thủy sinh.

b) Việc tổ chức các hoạt động kinh tế, xã hội, nghiên cứu, giáo dục, du lịch và dịch vụ trong khu vực hệ sinh thái rừng đừa nước, bãi triều vùng hạ lưu sông Thu Bồn phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thủy sản, lâm nghiệp, đa dạng sinh học, di sản văn hóa, du lịch và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Khuyến khích tổ chức, củng cố và phát triển các tổ, nhóm cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ hệ sinh thái rừng đừa nước, bãi triều và nguồn lợi thủy sản tại địa bàn phường Hội An Đông; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong hoạt động tuần tra, giám sát cộng đồng, phát hiện, thông tin kịp thời các hành vi có nguy cơ tác động xấu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái. Việc tham gia của cộng đồng phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan; đồng thời được ưu tiên thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, chia sẻ lợi ích từ hoạt động bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn lợi thủy sản theo quy định.

Điều 11. Quản lý hoạt động tại vùng chuyên tiếp

Các hoạt động trong vùng chuyên tiếp phải tuân thủ quy định tại Luật Di sản văn hóa, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Thủy sản và các quy định pháp luật liên quan.

Mục 3

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN

Điều 12. Nhiệm vụ chung trong công tác quản lý

1. Bảo tồn, phát triển bền vững và phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyền là một trong các nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược của thành phố Đà Nẵng.

2. Công tác bảo vệ môi trường tại Khu Dự trữ Sinh quyền phải tuân thủ theo các quy định đối với Di sản thiên nhiên cấp quốc gia đặc biệt được quy định theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Điều hòa các mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên nhằm bảo vệ các giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái tự nhiên.

4. Tổ chức sử dụng tài nguyên một cách hợp lý nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng trên nền tảng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyền.

5. Xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn có đủ năng lực, phẩm chất đảm đương nhiệm vụ quản lý Khu Dự trữ Sinh quyền.

Điều 13. Những nhóm nhiệm vụ cụ thể

1. Các sở, ban, ngành, địa phương thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố, là thành viên Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyền có trách nhiệm chia sẻ thông tin thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách với Văn phòng Khu Dự trữ Sinh quyền để tổng hợp, báo cáo, thực hiện nhiệm vụ điều phối của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyền và tham mưu UBND thành phố trong quản lý Khu Dự trữ Sinh quyền.

2. Quan trắc, khảo sát, điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá hiện trạng, diễn biến, trữ lượng, khả năng phục hồi và tái sinh, các giá trị kinh tế và xã hội của tất cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn trong Khu Dự trữ Sinh quyền theo kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường 05 năm được phê duyệt.

3. Căn cứ kết quả điều tra, đánh giá tại khoản 2 Điều này và các quy định pháp luật liên quan, lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu và các mục tiêu, cam kết quốc tế về phát triển bền vững, đa dạng sinh học để xây dựng hoặc điều

chỉnh các chương trình, đề án, kế hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững hệ sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, hợp tác trong nước, quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

4. Phối hợp tổ chức thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển; lồng ghép với các chương trình, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng theo trách nhiệm cụ thể của các cấp, ngành, địa phương liên quan; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, rút kinh nghiệm thực tiễn để bổ sung giải pháp phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

5. Lồng ghép các chiến lược, mục tiêu quốc tế và quốc gia

a) Trong quá trình xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển; Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển và các cơ quan liên quan có trách nhiệm lồng ghép đầy đủ, đồng bộ các nội dung sau: Kế hoạch Hành động Lima, Kế hoạch Hàng Châu (2026-2035) và các chiến lược tiếp theo của Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB); Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc; Khung Đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh - Montreal (KMGBF) và các điều ước quốc tế có liên quan; Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu của Việt Nam và thành phố Đà Nẵng.

b) Việc lồng ghép phải bảo đảm: Xác định rõ đóng góp cụ thể của Khu Dự trữ Sinh quyển đối với từng mục tiêu quốc tế và quốc gia; gắn với chức năng các phân khu (lõi, đệm, chuyển tiếp) và các mô hình phát triển bền vững; được tích hợp vào hệ thống chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch hành động hằng năm, trung hạn.

c) Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển chủ trì rà soát, cập nhật và hướng dẫn các cơ quan, địa phương thực hiện lồng ghép; xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá và báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo phục vụ đánh giá quốc gia và quốc tế trong mạng lưới Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới.

Điều 14. Hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế

1. Hợp tác trong nước

a) Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các trường, viện nghiên cứu, tổ chức phi chính phủ, tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, giáo dục, đào tạo, truyền thông và trao đổi giảng viên, chuyên gia giữa Khu Dự trữ Sinh quyển với các cá nhân, đơn vị liên kết. Tranh thủ được nguồn lực từ các đối tác và thu hút tri thức để phục vụ cho mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị của Khu Dự trữ Sinh quyển.

b) Áp dụng linh hoạt các cơ chế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam trong quan hệ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ, tạo điều kiện về nguồn lực tài chính, chuyên môn, kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, đào tạo, truyền thông, nghiên cứu khoa học và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phát triển bền vững và phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Hợp tác quốc tế

a) Tích cực tham gia và thực hiện các điều ước, các hoạt động quốc tế và khu vực về bảo tồn đa dạng sinh học với khả năng của thành phố Đà Nẵng, tranh thủ sự tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân yêu mến Khu Dự trữ Sinh quyển.

b) Đa dạng hóa hình thức hợp tác song phương, đa phương với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học như: xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; tổ chức diễn đàn khoa học, trao đổi kinh nghiệm, trao đổi chuyên gia; đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật và các hình thức hợp tác thích hợp khác.

Điều 15. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng hoặc hưởng lợi từ dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển thực hiện chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của pháp luật và theo phương án, đề án hoặc cơ chế tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật, phương án, đề án hoặc cơ chế tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên hỗ trợ cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái tại vùng lõi và vùng đệm.

Mục 4

NGUỒN LỰC VÀ TÀI CHÍNH CHO QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN

Điều 16. Bố trí nguồn nhân lực

1. Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển là tổ chức phối hợp liên ngành, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thực hiện chức năng điều phối các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển. Lãnh đạo Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có của các cơ quan, đơn vị liên quan, trong đó Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện

các nhiệm vụ thường xuyên và đầu môi điều phối.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển có trách nhiệm bố trí nhân lực phù hợp, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm tính liên ngành, đồng bộ và hiệu quả trong quản lý.

4. Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển được huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, chuyên gia, nhà khoa học, cộng đồng địa phương, lực lượng tình nguyện và các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bố trí tài chính và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

1. Nguồn kinh phí cho quản lý và bảo vệ môi trường Khu Dự trữ Sinh quyển gồm các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Xã hội hóa, tài trợ, đóng góp của cộng đồng, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hỗ trợ, viện trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

Các tổ chức, đơn vị được giao quản lý, bảo vệ hoặc có liên quan trong quản lý, bảo vệ môi trường Khu Dự trữ Sinh quyển được sử dụng các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện có để phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu, điều phối công tác phối hợp giữa các sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và dài hạn của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển và chỉ đạo tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế này.

Điều 19. Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm -

Hội An

1. Làm đầu mối tổng hợp các chương trình, đề án, kế hoạch của các cơ quan, ban, ngành có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn, phát triển bền vững, truyền thông, giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong nước và quốc tế về Khu Dự trữ Sinh quyển; tham mưu, đề xuất thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố để thống nhất quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển theo Quy chế này.

2. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện những hoạt động quản lý, bảo tồn, phát triển, phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển quy định tại quy chế này.

3. Tham gia góp ý các chương trình, đề án, kế hoạch, các báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường có liên quan đến Khu Dự trữ Sinh quyển theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, phối hợp tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân về những vấn đề có liên quan đến quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển; tạo điều kiện thuận tiện để cộng đồng dân cư địa phương tham gia quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

5. Huy động nguồn lực, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; tổ chức giám sát, kịp thời ngăn chặn hành vi xâm hại; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; tham gia quản lý, liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên trong khu vực.

Điều 20. Các sở, ban, ngành thành phố

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công trong phạm vi Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Chủ động lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; bảo đảm phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, định hướng của Chương trình Con người và Sinh quyển và các chiến lược quốc gia có liên quan.

3. Phối hợp với cơ quan thường trực Khu Dự trữ Sinh quyển trong triển khai các hoạt động liên ngành; cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

4. Tham gia giải quyết các vấn đề liên ngành phát sinh trong quá trình thực hiện quy chế này.

Điều 21. Ủy ban nhân dân các xã, phường trong Khu Dự trữ Sinh quyển

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy chế tại địa bàn quản lý; phối hợp chặt

chê với Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển triển khai thực hiện quy chế này.

2. Quản lý tài nguyên, môi trường, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội theo quy định và định hướng của Khu Dự trữ Sinh quyển; tham gia xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững trên địa bàn.

3. Chỉ đạo các đoàn thể chính trị - xã hội tại địa phương tham gia vận động nhân dân thực hiện quy chế này; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn và phát triển bền vững; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 22. Cộng đồng địa phương

1. Tham gia góp ý xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa của Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Tham gia các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học về bảo tồn; tuần tra, bảo vệ Khu Dự trữ Sinh quyển và giám sát các hoạt động bảo tồn, phát triển, phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển.

3. Được hưởng lợi ích từ việc bảo tồn, phát triển, phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 23. Các lực lượng sản xuất, kinh doanh

1. Tham gia ý kiến, tư vấn, đề xuất ý tưởng cho các chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Có trách nhiệm bảo vệ và phát huy danh hiệu Khu Dự trữ Sinh quyển như: việc tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm các quy định về bảo vệ môi trường, bảo tồn các giá trị tài nguyên của Khu Dự trữ Sinh quyển, hướng tới hoạt động sản xuất sạch, sản phẩm xanh; đồng thời, có trách nhiệm giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá về Khu Dự trữ Sinh quyển trong quá trình hoạt động và sản xuất, kinh doanh.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh có khai thác, sử dụng tài nguyên Khu Dự trữ Sinh quyển được bảo đảm các quyền và lợi ích theo quy định của pháp luật và được chia sẻ lợi ích từ việc khai thác có hiệu quả các giá trị của Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 24. Các nhà khoa học, chuyên gia trong các lĩnh vực

1. Tham gia phản biện các dự án, công trình, quy hoạch có tác động trực tiếp và gián tiếp đối với Khu Dự trữ Sinh quyển.

2. Tư vấn, góp ý, đề xuất ý tưởng cho các chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển.

3. Tổ chức nghiên cứu, phối hợp nghiên cứu trên các lĩnh vực liên quan nhằm đưa ra luận chứng khoa học, xây dựng cơ sở dữ liệu, đề xuất các mô hình,

vận dụng các phương thức, áp dụng các quy trình, xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát để tư vấn cho Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển trong quá trình điều phối các bên liên quan trong hoạch định chiến lược, quản lý nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của Khu Dự trữ Sinh quyển.

4. Ủy ban nhân dân thành phố khuyến khích và ưu tiên các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo trên các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn tài nguyên nhân văn, phát triển năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ xanh, và phát huy các giá trị khác của Khu Dự trữ Sinh quyển.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

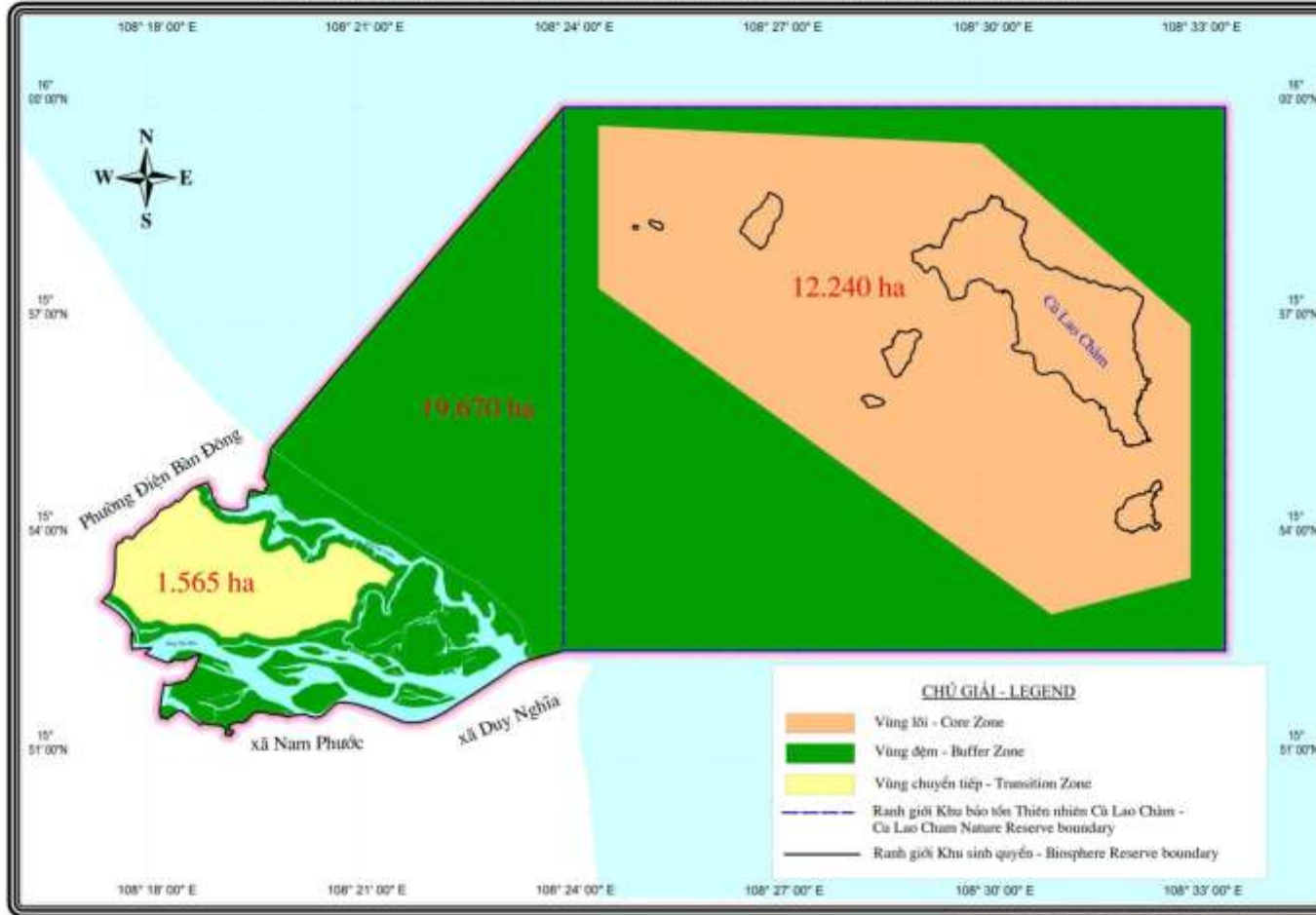
1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan; Ban quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của quy chế này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này trên phạm vi địa bàn, lĩnh vực quản lý.

2. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn trong các quy định tại quy chế này thay đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản và nội dung thay đổi, bổ sung đó.

3. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện quy chế, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Phụ lục

BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÙ LAO CHÀM - HỘI AN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG FUNCTIONAL ZONING MAP OF CÙ LAO CHAM - HOI AN BIOSPHERE RESERVE



MAP SCALE 1 : 100,000

- Đơn vị xây dựng bản đồ: Ban Quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Cù Lao Chàm
- Thời gian xây dựng: năm 2020
- Sử dụng hệ tọa độ WGS84